CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội

Ngày 31/03/2025	43,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**22.7%**	**49.5%**

DT thuần
Q1/25
12.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼372| -96.9%
YoY: ▲ 12.0| 40016%

LN thuần
Q1/25
13.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼259| -95.1%
YoY: ▲ 14.8| 1001%

LN sau thuế
Q1/25
10.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼207| -95.1%
YoY: ▲ 11.9| 1020%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
127%
YoY: +/-▲ 55.7%

ROE (TTM)
Q1/25
118%
YoY: +/-▲ 1.2%

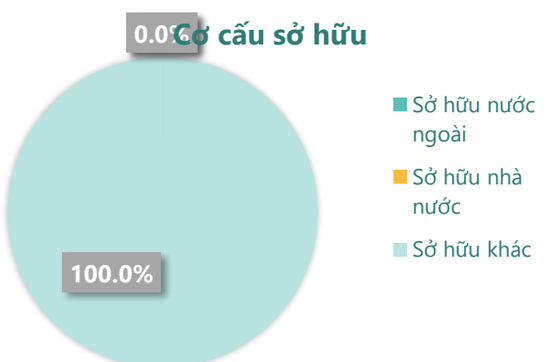
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,498 - 60,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,095
Số lượng CPLH (CP)	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,615
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	28,876
P/E	1.5

DT thuần
2024
1,815
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,814|

LN thuần
2024
884
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 884| 357652%

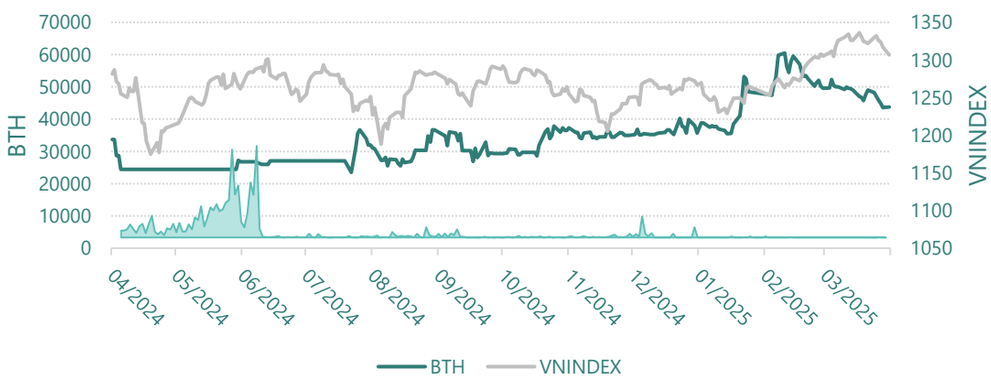
LN sau thuế
2024
708
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 708| 675937%

Cơ cấu sở hữu

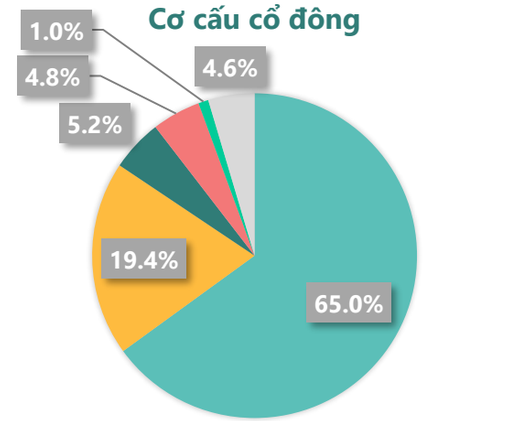


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



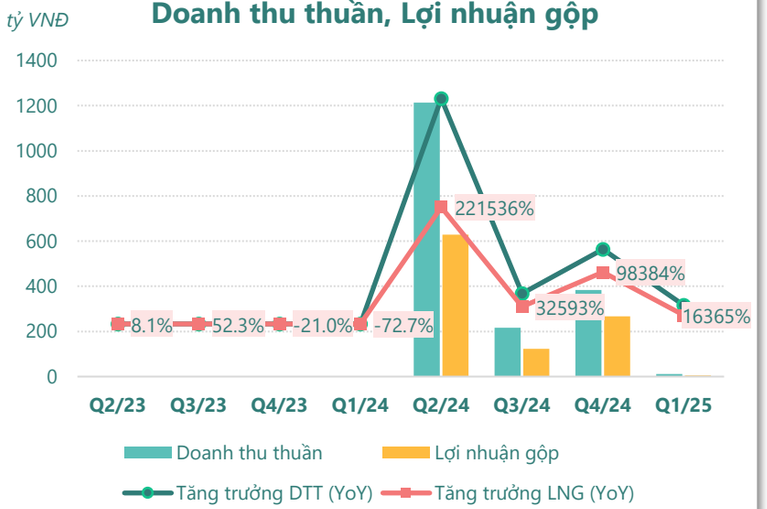
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

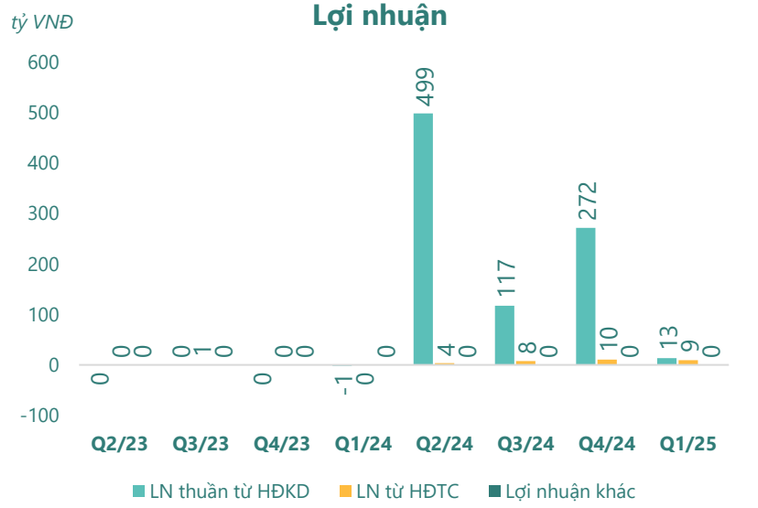
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



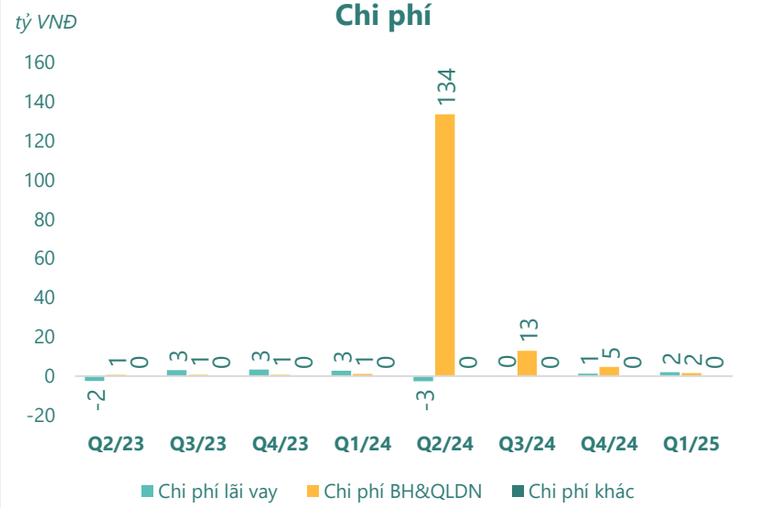
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



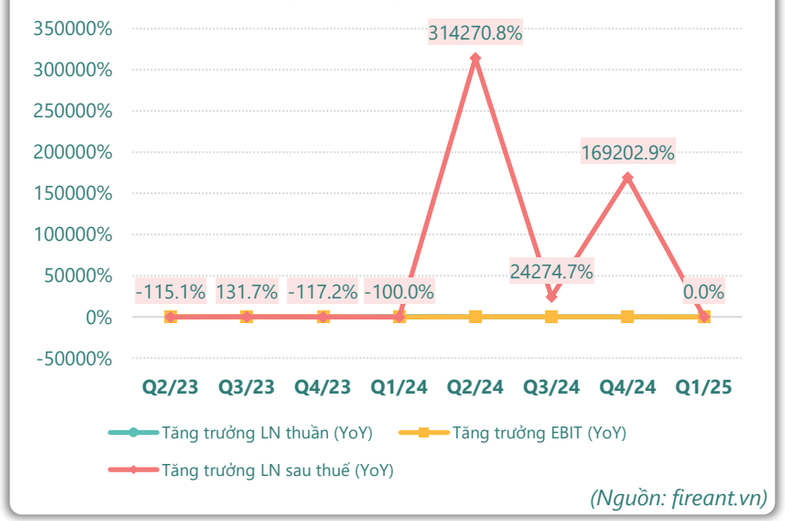
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



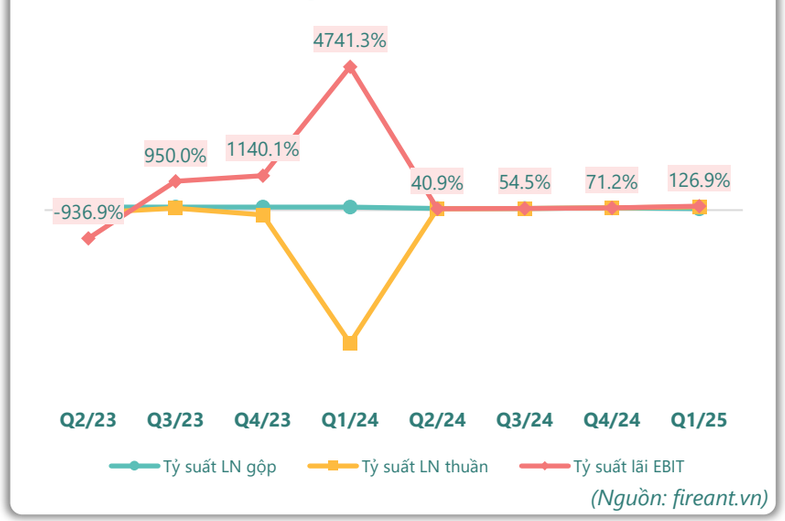
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



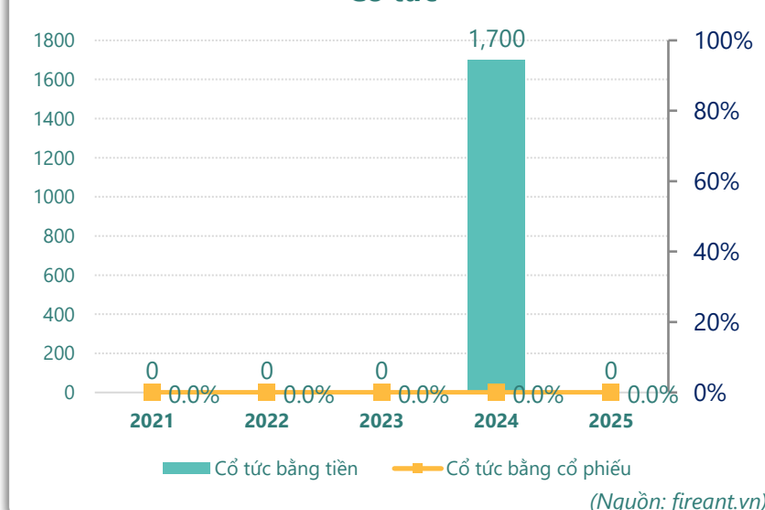
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

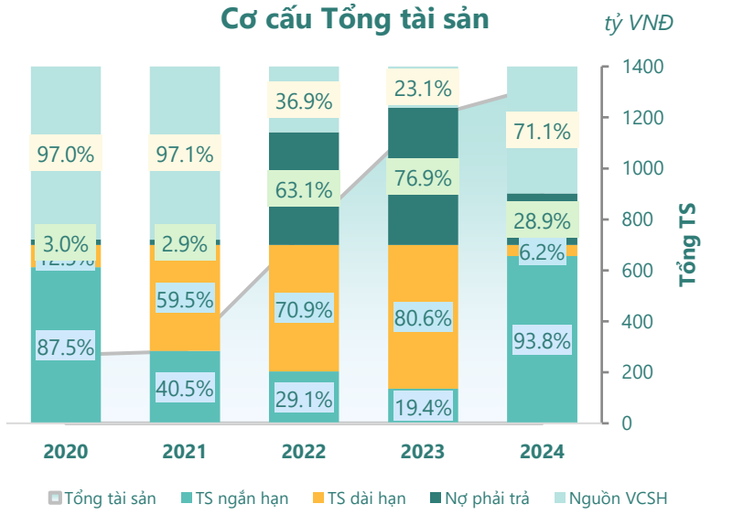
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

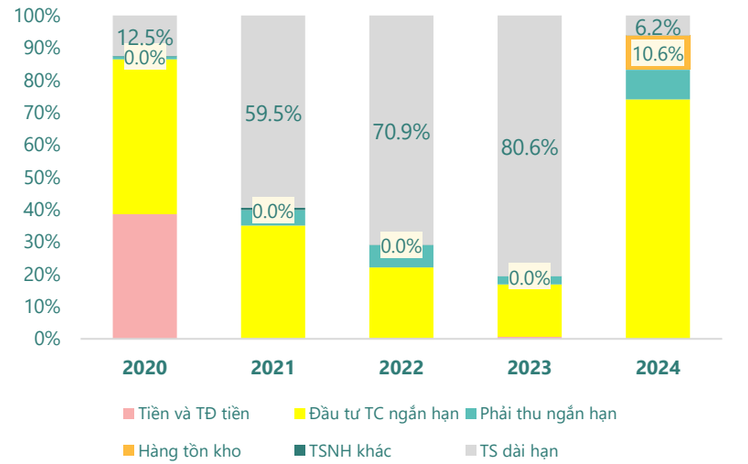
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



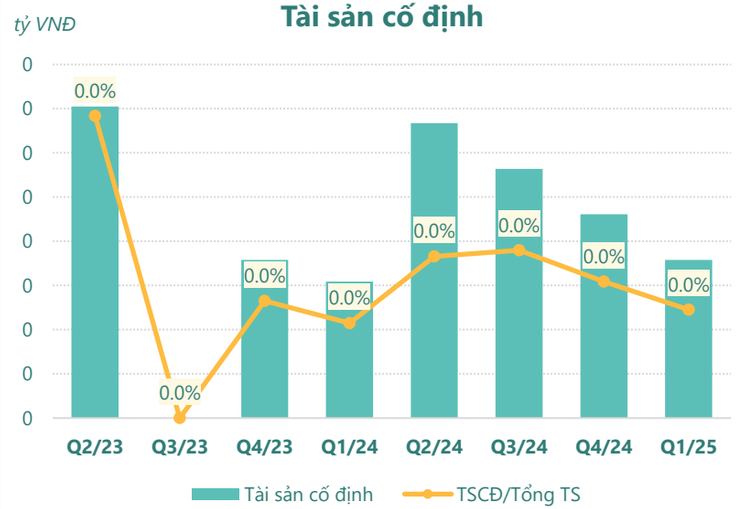
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



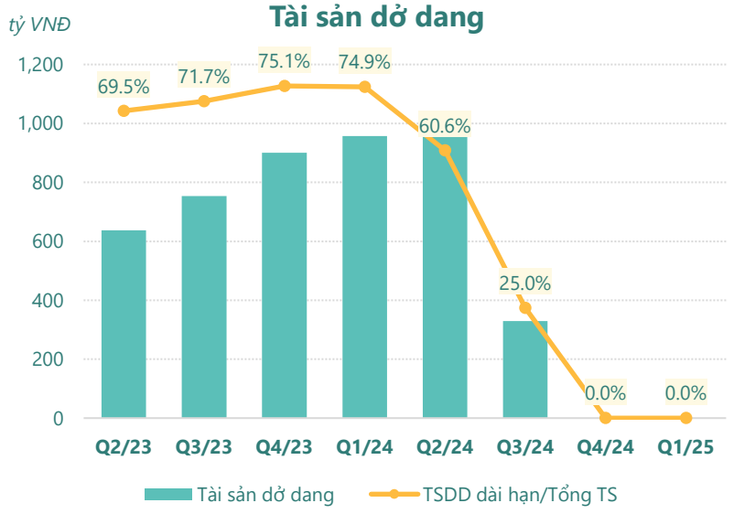
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



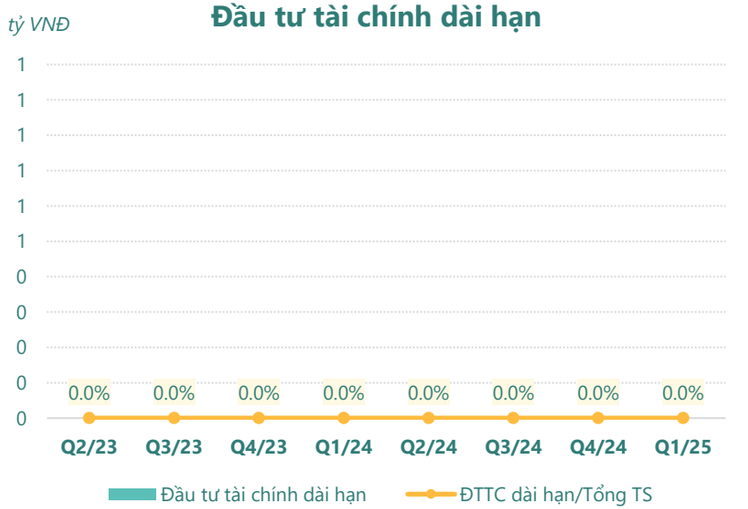
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



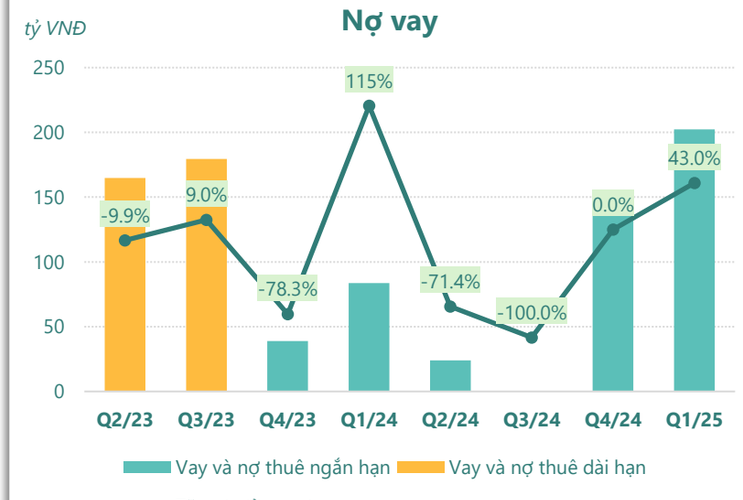
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

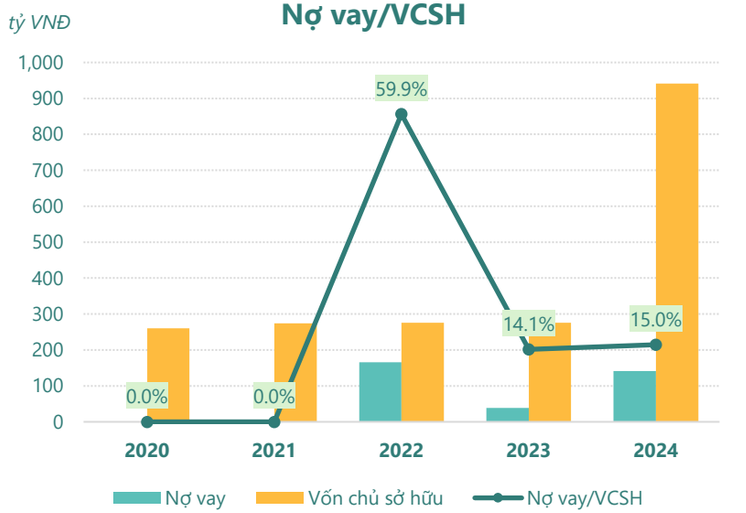
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

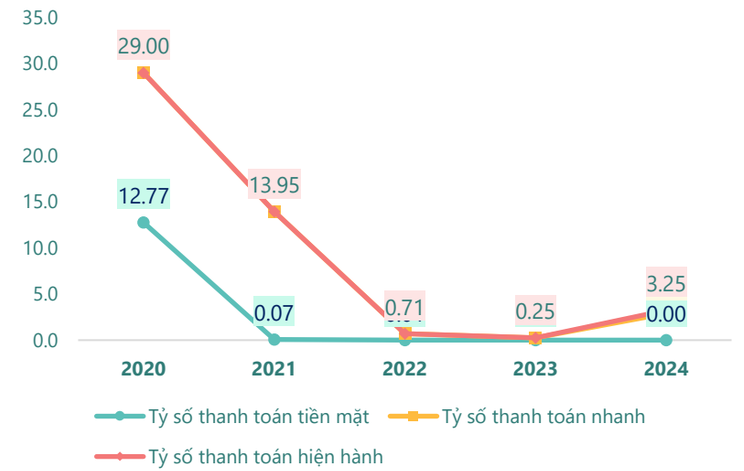
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



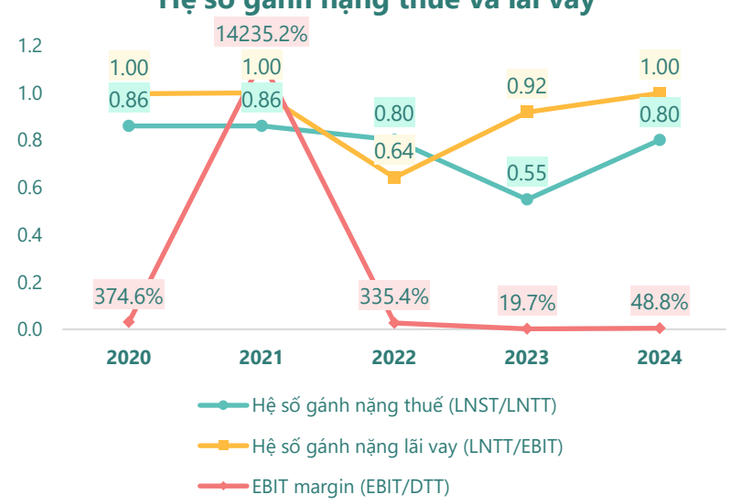
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



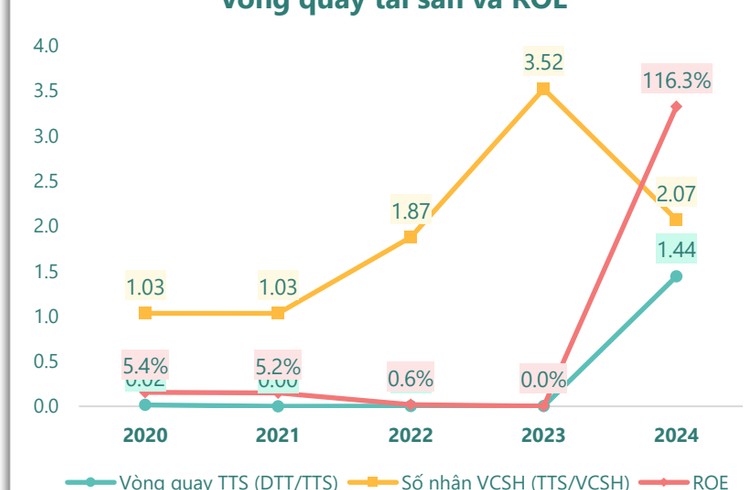
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



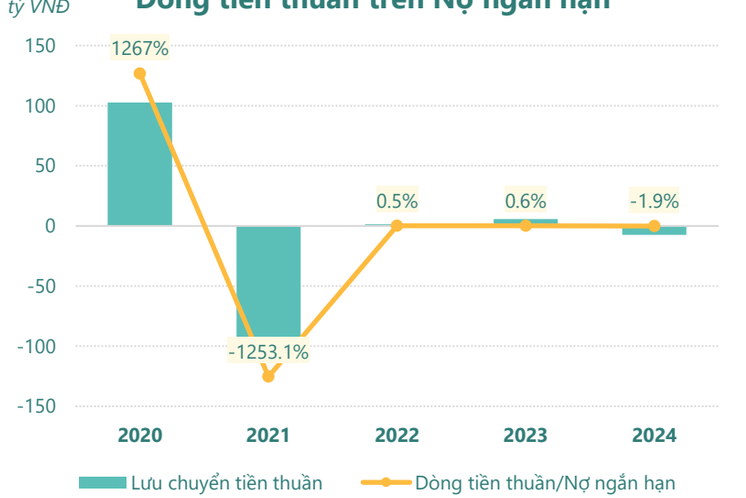
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.0**	**0.03**	**40016%**	**1,815**	**1.05**	**172248%**
Giá vốn hàng bán	6.47	0.00		799	0	
Lợi nhuận gộp	5.56	0.03	18434%	1,015	1.05	96322%
Doanh thu HĐTC	11.7	2.37	395%	26.2	13.7	91.3%
Chi phí TC	2.34	2.77	-15.4%	5.15	12.0	-57.1%
Chi phí lãi vay	1.93	2.76	-30.2%	0.81	0.02	4662%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.48	0.00		147	0	
Chi phí QLDN	**1.11**	**1.12**	**-0.8%**	**4.86**	**3.01**	**61.6%**
LN thuần từ HĐKD	13.3	-1.48	1001%	884	-0.25	357652%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.33**	**-99.4%**	**1.07**	**0.44**	**143%**
LN trước thuế	13.3	-1.16	1250%	885	0.19	463554%
Lợi nhuận sau thuế	**10.7**	**-1.16**	**1020%**	**708**	**0.10**	**675937%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.7**	**-1.16**	**1020%**	**708**	**0.10**	**675937%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	221	-31.3	382	380	-58.6	-93.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.82	-17.1	-322	-349	-93.3	33.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-212	44.7	-59.7	-24.0	142	60.9
Tiền đầu kỳ	6.43	7.74	4.09	4.12	10.8	0.38
Lưu chuyển tiền thuần	**1.31**	**-3.66**	**0.03**	**6.71**	**-10.5**	**0.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.74	4.09	4.12	10.8	0.38	1.04

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,297**	**1,324**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,215	1,241	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	1.04	0.38	172%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	949	980	-3.1%
Phải thu ngắn hạn	124	121	2.8%
Hàng tồn kho	141	140	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.05	-52.1%
Tài sản dài hạn	**81.8**	**82.3**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.04	0.05	-22.4%
Bất động sản đầu tư	81.4	81.9	-0.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.31**	**0.37**	**-16.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	345	382	-9.8%
Nợ ngắn hạn	**344**	**382**	**-9.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	202	142	43.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.47	27.7	-65.8%
Nợ dài hạn	0.79	0.79	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**952**	**941**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**952**	**941**	**1.1%**
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)